

CTCP Dây cáp điện Việt Thái (HNX: VTH)

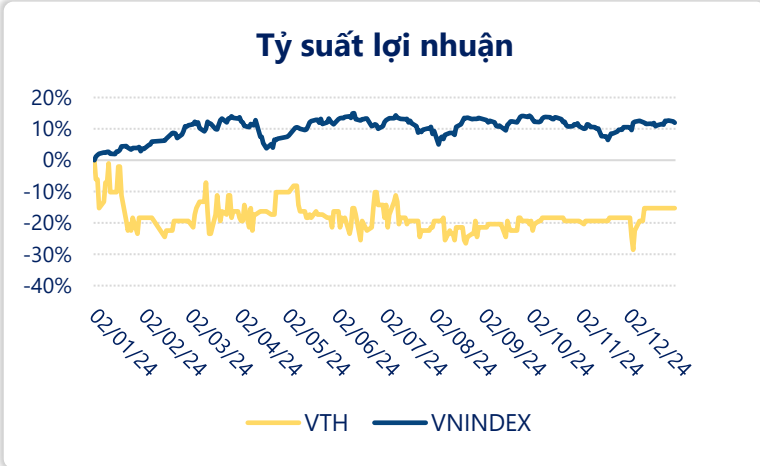
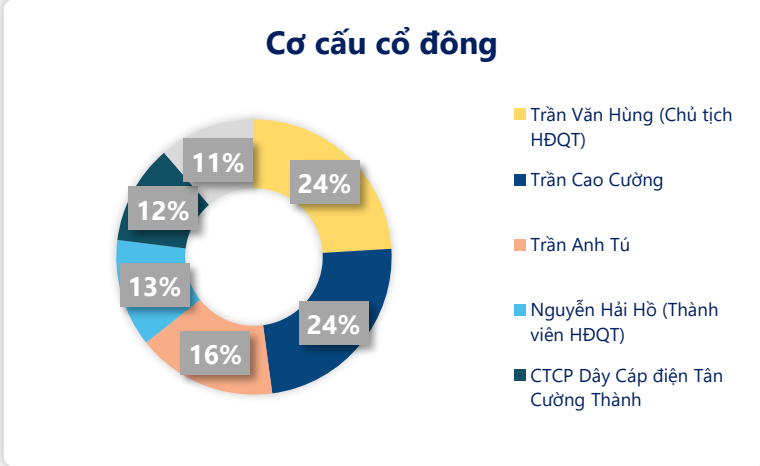
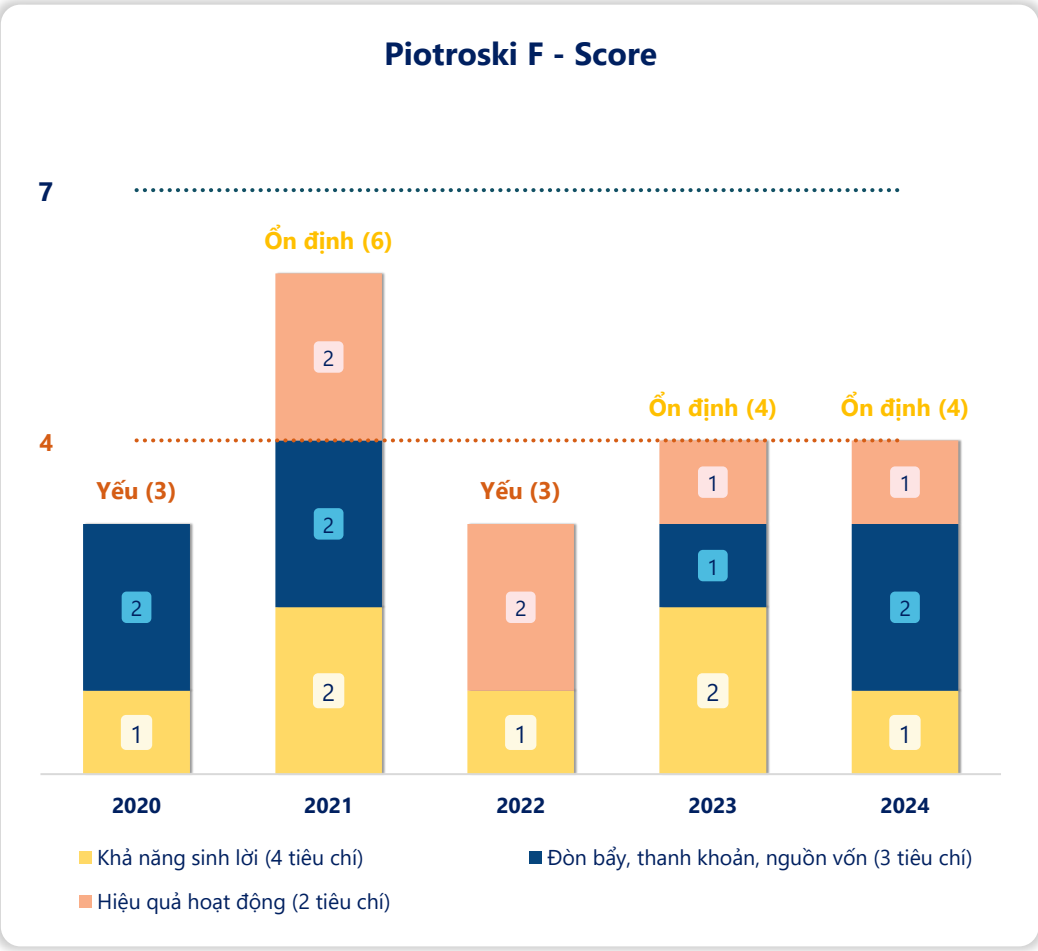
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	8,300 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	12.2%	5.1%	-2.4%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	4/9
2024	(Ổn định)

DT thuần	2024
757	YoY
tỷ VNĐ	▲ 248
	▲ 48.7%

LN sau thuế	2024
9.22	YoY
tỷ VNĐ	▲ 2.58
	▲ 38.9%



Năm 2024, F-Score của VTH đạt 4/9 không đổi so với năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá thuộc vùng "Ổn định".

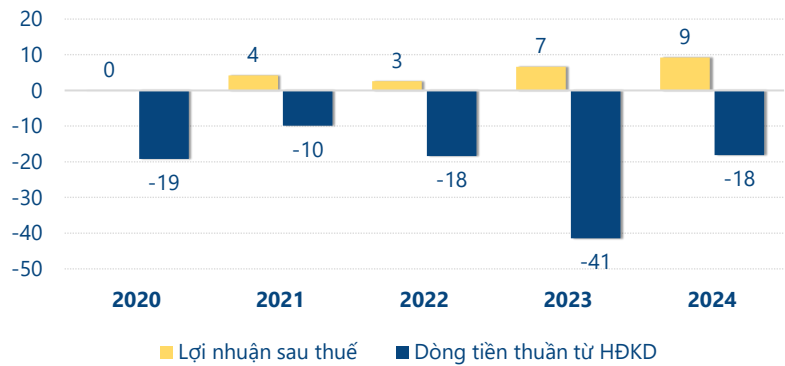
Trong đó, khả năng sinh lời giảm xuống còn 1/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn có cải thiện đạt điểm 2/3. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm 1/2 ở mức ổn định so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

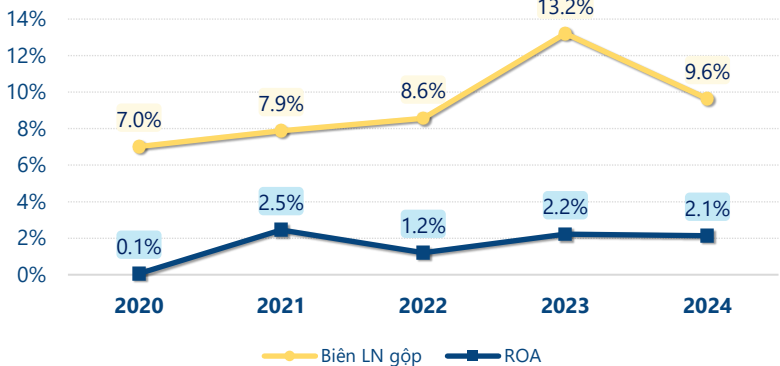
CTCP Dây cáp điện Việt Thái (HNX: VTH)

tỷ VNĐ

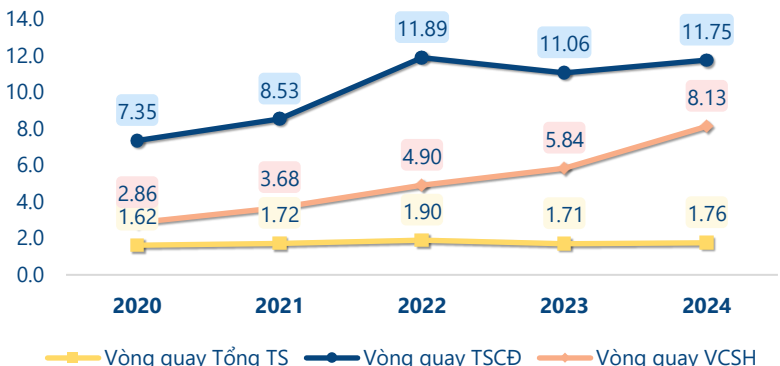
Đánh giá lợi nhuận, dòng tiền



Tỷ suất lợi nhuận

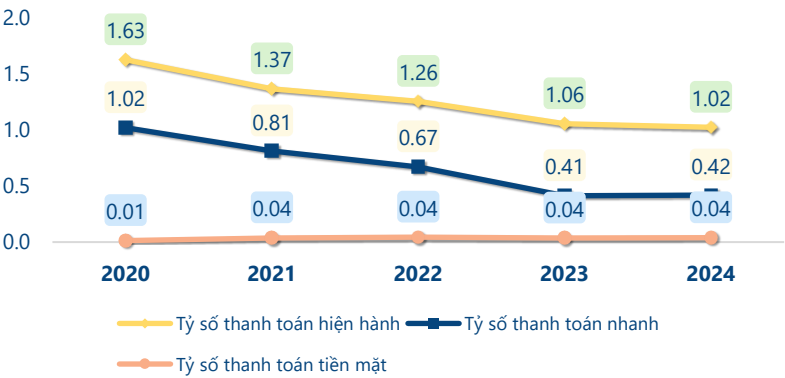


Vòng quay tài sản

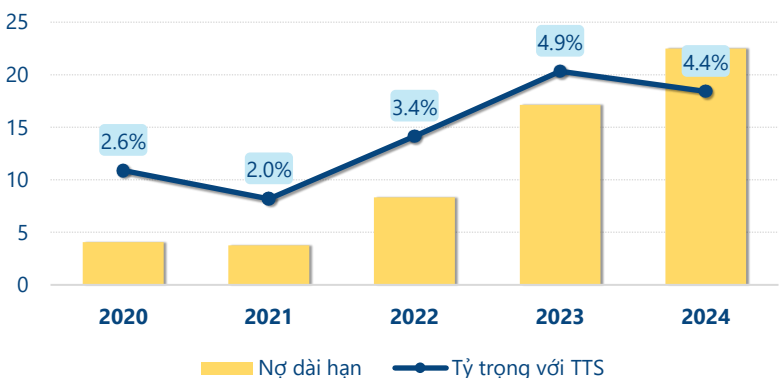


Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **VTH**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.

Chỉ số thanh khoản



Nợ dài hạn



Số lượng cổ phiếu lưu hành



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	510	351	45.4%
Tài sản ngắn hạn	400	259	54.3%
Tiền và tương đương tiền	4.40	8.78	-49.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.0	2.14	2329%
Phải thu ngắn hạn	104	89.2	16.2%
Hàng tồn kho	236	158	49.9%
Tài sản ngắn hạn khác	3.51	1.36	158%
Tài sản dài hạn	111	91.8	20.3%
Phải thu dài hạn	0	0.47	-100%
Tài sản cố định	68.9	59.9	15.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	23.4	20.0	16.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	18.2	11.5	58.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	412	263	56.8%
Nợ ngắn hạn	386	245	57.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	257	165	55.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	107	62.8	69.6%
Nợ dài hạn	25.5	17.1	48.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	25.5	17.1	48.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	98.9	88.5	11.7%
Vốn chủ sở hữu	98.9	88.5	11.7%
Vốn điều lệ	79.0	79.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	226	298	414	509	757
Giá vốn hàng bán	210	275	379	442	684
Lợi nhuận gộp	15.8	23.5	35.5	67.2	72.9
Doanh thu HĐTC	0.20	0.16	0.21	0.48	0.57
Chi phí TC	2.98	5.38	8.66	14.4	16.2
Chi phí lãi vay	2.98	4.51	7.17	12.5	15.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.18	6.97	13.9	31.7	34.0
Chi phí QLDN	6.37	5.34	9.04	12.6	11.1
LN thuần từ HĐKD	-0.49	5.97	4.05	9.06	12.2
Lợi nhuận khác	0.59	-0.66	-0.61	-0.76	-0.23
LN trước thuế	0.11	5.31	3.44	8.30	12.0
Lợi nhuận sau thuế	0.09	4.25	2.63	6.64	9.22
LNST của CĐ cty mẹ	0.09	4.25	2.63	6.64	9.22

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-19.2	-9.83	-18.4	-41.4	-18.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.3	-5.75	-15.3	-21.5	-75.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	26.0	18.6	36.4	65.0	100
Tiền đầu kỳ	5.46	0.97	3.95	6.66	8.78
Lưu chuyển tiền thuần	-4.50	2.98	2.71	2.12	6.13
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.97	3.95	6.66	8.78	14.9